

Số: 669/QĐ-ĐHHD

Hải Dương, ngày 05 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo bậc đại học,
và chương trình đào tạo bậc cao đẳng ngành Giáo dục mầm non

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương; Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hải Dương;

Theo đề nghị của Trường các khoa chuyên môn và Thường trực Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hải Dương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo bậc đại học và chương trình đào tạo bậc cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, gồm:

STT	Mã ngành	Tên ngành
Chương trình đào tạo nhóm ngành đào tạo giáo viên		
1	7140209	Sư phạm Toán học
2	7140217	Sư phạm Ngữ văn
3	7140231	Sư phạm tiếng Anh
4	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên
5	7140201	Giáo dục Mầm non (ĐH)
6	7140202	Giáo dục Tiểu học
7	7140218	Sư phạm Lịch sử
8	7140206	Giáo dục thể chất
9	7140219	Sư phạm Địa lí
10	7140210	Sư phạm Tin học
11	7140205	Sư phạm Giáo dục Chính trị
12	51140201	Giáo dục Mầm non (CĐ)

Hải Dương, ngày 05 tháng 8 năm 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo bậc đại học và chương trình đào tạo bậc cao đẳng ngành Giáo dục mầm non

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Trên cơ sở đề nghị của Ban Giám đốc Trường Đại học Hải Dương và Ban Giám đốc Trường Cao đẳng Hải Dương, Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương.

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 18/01/2016 Quốc hội phê duyệt kế hoạch đào tạo bậc đại học Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BGDĐT ngày 22/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo bậc đại học của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 04/2013/TT-BGDĐT ngày 18/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo bậc đại học;

Căn cứ Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 22/2/2014 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt chiến lược phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục đại học Hải Dương; Theo đề nghị của Trường các khoa chuyên môn và Trường trực thuộc liên hệ và Ban tư vấn Trường Đại học Hải Dương.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo bậc đại học và chương trình đào tạo bậc cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, gồm:

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	7140309	Su phan Toán học
2	7140217	Su phan Nghệ văn
3	7140331	Su phan Tiếng Anh
4	7140247	Su phan Khoa học tự nhiên
5	7140301	Giáo dục Mầm non (GD)
6	7140203	Giáo dục Tiểu học
7	7140218	Su phan Lịch sử
8	7140206	Giáo dục Thể chất
9	7140219	Su phan Địa lý
10	7140210	Su phan Tin học
11	7140202	Su phan Giáo dục Công dân
12	7140301	Giáo dục Mầm non (GD)

STT	Mã ngành	Tên ngành
Chương trình đào tạo nhóm ngành Kinh tế - Kỹ thuật - KHXH&NV		
13	7340301	Kế toán
14	7340201	Tài chính - Ngân hàng
15	7340101	Quản trị kinh doanh
16	7340406	Quản trị văn phòng
17	7310101	Kinh tế
18	7340115	Marketing
19	7520201	Kỹ thuật điện
20	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông
21	7480201	Công nghệ thông tin
22	7220201	Ngôn ngữ Anh
23	7760103	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật

(có Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế, Trưởng các khoa chuyên môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này *DL*

Nơi nhận:

- HĐT (để b/c);
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website trường;
- Lưu: VT, P.ĐT-HTQT (02).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Văn Quyên





CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 669/QĐ-ĐHHD ngày 05 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Giáo dục Mầm non
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Early childhood education
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Ngành đào tạo:	Giáo dục Mầm non
Mã ngành đào tạo:	5140201
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên mầm non trình độ Cao đẳng có phẩm chất nhà giáo, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo thực hiện có chất lượng Chương trình Giáo dục Mầm non và nghiên cứu khoa học để giảng dạy, làm việc, quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến Giáo dục Mầm non tại các cơ sở giáo dục, các công ty giáo dục; gương mẫu, trách nhiệm, bản lĩnh, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, phát triển nghề nghiệp và hội nhập quốc tế; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

GVMN được đào tạo theo chương trình đào tạo cao đẳng Mầm non phải đạt được các yêu cầu cơ bản sau:

1.2.1 Về kiến thức

- Nhận thức đúng đắn các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, các kiến thức về pháp luật, xã hội và vận dụng được hệ thống những tri thức đó vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

- Hiểu được mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non và các kiến thức về dinh dưỡng, vệ sinh, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ em lứa tuổi mầm non.

- Vận dụng được những kiến thức lý luận dạy học về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nghệ thuật để tổ chức được các hoạt động chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non.

1.2.2. Về kỹ năng

- Có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ.

- Có kỹ năng xây dựng môi trường giáo dục phục vụ các hoạt động vui chơi và các hoạt động trải nghiệm khác cho trẻ mầm non.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin truyền thông, các phần mềm dạy học, phương tiện hỗ trợ dạy học phục vụ công tác dạy học và tổ chức các hoạt động tại trường mầm non.

- Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý nhóm lớp, kỹ năng phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

1.2.3. Về năng lực

*** Năng lực giáo dục**

+ Hiểu biết về kiến thức giáo dục đại cương để vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn Giáo dục mầm non;

+ Nắm vững những hệ thống kiến thức khoa học GDMN ở trình độ cao đẳng để thực hiện tốt công tác chuyên môn;

+ Có hiểu biết đầy đủ về mục tiêu, nội dung chương trình GDMN, phương pháp tổ chức và phương pháp đánh giá hoạt động giáo dục và sự phát triển của trẻ em ở các cơ sở GDMN;

+ Áp dụng có hiệu quả kiến thức khoa học GDMN vào việc tổ chức và đánh giá các hoạt động Giáo dục trẻ ở các đối tượng khác nhau, các loại hình trường khác nhau.

*** Năng lực chuyên môn**

+ Định hướng giáo dục trẻ phù hợp với yêu cầu độ tuổi, từng cá nhân và điều kiện thực tế;

+ Tổ chức thực hiện giáo dục một cách khoa học, lựa chọn và sử dụng hợp lý các học liệu, phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ;

+ Giao tiếp với trẻ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển, học tập của trẻ;

+ Quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ phát triển của trẻ;

+ Lập kế hoạch định hướng phát triển trẻ và giáo dục phù hợp với yêu cầu của từng độ tuổi. Quản lý nhóm, lớp mầm non;

+ Hợp tác, giao tiếp với đồng nghiệp, gia đình và cộng đồng trong hoạt động giáo dục.

*** Các năng lực khác**

- Năng lực hoạt động xã hội: thiết lập các mối quan hệ xã hội, tham gia các hoạt động xã hội, tổ chức các hoạt động xã hội;

- Năng lực phát triển cá nhân và phát triển nghề nghiệp: xác định giá trị bản thân, tự học, tự nghiên cứu, học tập suốt đời, hỗ trợ, hợp tác, cộng tác, nghiên cứu khoa học, phát triển môn học.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOẢ: 101 tín chỉ, không tính GDTC và Giáo dục Quốc phòng, an ninh. Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 19 tín chỉ

+ Giáo dục Chính trị: 11 Tín chỉ

+ Ngoại ngữ: 5 Tín chỉ

+ Đại cương: 3 Tín chỉ

- Giáo dục Thể chất: 4 Tín chỉ
- Giáo dục quốc phòng - An ninh: 165 tiết
- Khối kiến thức chuyên ngành: 82 Tín chỉ
- + Cơ sở ngành: 29 Tín chỉ
- + Chuyên ngành: 36 Tín chỉ
- + Bắt buộc: 96 Tín chỉ
- + Tự chọn: 5 Tín chỉ
- Nghiệp vụ (thực hành, thực tập nghề nghiệp): 7 Tín chỉ
- Khoá luận tốt nghiệp/Học phần thay thế: 5 Tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Thông tư Số: 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và quyết định 470/QĐ-ĐHHD ngày 28/8/2023 Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Hải Dương.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Thực hiện theo Thông tư Số: 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

- Hoàn thành chuẩn đầu ra đối với sinh viên theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương.

6. THANG ĐIỂM:

Thực hiện theo Thông tư 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên và quyết định 470/QĐ-ĐHHD ngày 28/8/2023 Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Hải Dương.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG

7.1. Khung Chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự học tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Thực hành, Bài tập, Thảo luận, Seminar		
1	CT.MN.ĐC.01	Những NLCB của	2	20	10	70	

		CNMLN 1					
2	CT.MN.ĐC.02	Những NLCB của CN MLN 2	3	30	15	105	CT.MN.ĐC.01
3	CT.MN.ĐC.03	Đường lối CM của đảng CSVN	3	30	15	105	CT.MN.ĐC.02
4	CT.MN.ĐC.04	Tư tưởng HCM	2	20	10	70	CT.MN.ĐC.03
5	CT.MN.ĐC.05	Pháp luật	1	10	5	35	
6	TA.MN.ĐC.06	Tiếng Anh 1	3	30	15	105	
7	TA.MN.ĐC.07	Tiếng Anh 2	2	20	10	70	CT.MN.ĐC.06
8	TC.MN.ĐC.08	GDTC1	2*	6*	24	70	
9	TC.MN.ĐC.09	GDTC2	2*	6*	24	70	TC.MN.ĐC.08
10	QP.MN.ĐC.10	GDQP-AN 1: Đường lối QP-AN	3*	37*	8*	105	
11	QP.MN.ĐC.11	GDQP-AN 2: Công tác QP-AN	2*	22*	8*	70	QP.MN.ĐC.10
12	QP.MN.ĐC.12	GDQP-AN 3: Quân sự chung	2*	14*	16*	70	QP.MN.ĐC.11
13	QP.MN.ĐC.13	GDQP-AN 4: Kỹ thuật chiến đấu	4*	4*	56*	140	QP.MN.ĐC.12
14	TL.MN.ĐC.14	Tin học đại cương	2	10	20	70	
15	CT.MN.ĐC.15	QL HCNN và QL ngành GD & ĐT	1	10	5	70	
16	XH.MN.CS.01	Tiếng việt thực hành	2	15	15	70	
17	TL.MN.CS.02	Tâm lý học đại cương	2	15	15	70	
18	GD.MN.CS.03	Giáo dục học đại cương	2	15	15	70	
19	TL.MN.CS.04	Tâm lý học Trẻ em lứa tuổi Mầm non	3	30	15	105	TL.MN.CS.02
20	GD.MN.CS.05	Giáo dục học Mầm non	2	15	15	70	GD.MN.CS.03
21	AN.MN.CS.06	Âm nhạc	3	15	30	105	
22	AN.MN.CS.07	Nhạc cụ	2	10	20	70	AN.MN.CS.06
23	MN.MN.CS.08	Múa và PP dạy múa cho trẻ MN	3	10	35	105	AN.MN.CS.06
24	MN.MN.CS.09	Mỹ thuật	3	15	30	105	
25	MN. MN.CS.10	VHTE, đọc - kể diễn cảm	2	15	15	70	XH.MN.CS.01
26	TN.MN.CS.11	Sự phát triển thể chất TE lứa tuổi MN	2	15	15	70	
27	TN.MN. CS.12	Giáo dục môi trường	2	20	10	70	
28	GD.MN.CS.13	Giáo dục hòa nhập	2	15	15	70	GD.MN.CS.05; TL.MN.CS.04
29	MN.MN.CN.01	PP cho trẻ làm quen với tác phẩm VH	2	15	15	70	MN.MN.CS.10

30	MN.MN.CN.02	PP tổ chức HĐ ÂN cho trẻ MN	3	15	30	105	AN.MN.CS .06; MN.MN.CS .08; AN.MN.CS .07
31	MN.MN.CN.03	PP TC HĐ cho trẻ làm quen với Toán	3	15	30	105	GD.MN.CS .05
32	MN.MN.CN.04	PP TC HĐVC cho trẻ ở trường MN	3	15	30	105	
33	MN.MN.CN.05	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN	3	15	30	105	MN. MN.CS.10; XH.MN.CS .01
34	MN.MN.CN.06	PP cho trẻ KPKH và LQMTXQ	3	15	30	105	TN.MN.CS.12
35	MN.MN.CN.07	PP TC HĐ tạo hình cho trẻ MN	2	15	15	70	MN.MN.CS .09
36	MN.MN.CN.08	PP giáo dục thể chất cho trẻ MN	3	15	30	105	TN.MN.CS.11; TC.MN.ĐC .09
37	MN.MN.CN.09	Phát triển và TC thực hiện CT GDMN	3	15	30	105	MN.MN.C N.01-08
38	MN.MN.CN.10	Đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ MN	2	10	20	70	MN.MN.CS .09
39	MN.MN.CN.11	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ MN	2	15	15	70	TN.MN.CS.11
40	MN.MN.CN.12	Phòng bệnh và ĐB AT cho Trẻ MN	2	15	15	70	TN.MN.CS.11
41	MN.MN.TC.13	Rèn luyện NVSP	2	5	30	65	MN.MN.C N.01-12
42	MN.MN.CN.14	Quan sát, đánh giá trong GDMN	2	15	15	70	MN.MN.C N.01-12
43	Học phần tự chọn (STC); Chọn 2 trong 4 học phần		5	30	60		
43.1	MN.MN.TC.01	Giáo dục tích hợp ở bậc học MN		30	15	105	MN.MN.C N.01-12
43.2	MN.MN.TC.02	Nghề GVMN		15	15	70	MN.MN.C N.01-12
43.3	ĐT.MN.TC.03	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non		20	10	70	
43.4	MN.MN.TC.04	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non		30	15	105	MN.MN.C N.01-12
44	Thực tập		7				
44.1	ĐT.MN.TT.01	Thực tập 1	2		30	20	
44.2	ĐT.MN.TT.02	Thực tập 2	5		60	40	

45	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế		5	45	60	70	
45.1	MN.MN.TN.01	Giáo dục tích hợp ở bậc học MN	3	30	15	105	MN.MN.C N.01-12
45.2	MN.MN.TN.02	Nghề GVMN	2	15	15	70	MN.MN.C N.01-12
Tổng số TC (chưa tính các HP GDTC, GDQP)			101				

7.2. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng thực hiện trong 03 năm với 06 học kì, trong đó học kì 1 với 17 tín chỉ, học kì 2 là 16 tín chỉ, học kì 3 với 16 tín chỉ, học kì 4 là 18 tín chỉ, học kì 5 với 17 tín chỉ, học kì 6 là 17 tín chỉ. Cụ thể như sau:

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Số tiết trên lớp		Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Thực hành, Bài tập, Thảo luận		
Kỳ I. 17 Tín chỉ (chưa tính GDTC1 và GDQP)			17	130	125	595	
1	CT.MN.ĐC.01	Những NLCB của CNMLN 1	2	20	10	70	
2	EN012	Tiếng Anh 1	3	30	15	105	
3	TL.MN.CS.02	Tâm lý học đại cương	2	15	15	70	
4	GD.MN.CS.03	Giáo dục học đại cương	2	15	15	70	PRE119
5	AN.MN.CS.06	Âm nhạc	3	15	30	105	
6	MN.MN.CS.09	Mỹ thuật	3	15	30	105	
7	TN.MN.CS.12	Giáo dục môi trường	2	20	10	70	
8	TC.MN.ĐC.08	GDTC1	2*	6*	24*	70*	
9	QP.MN.ĐC.10	GDQP-AN 1: Đường lối QP-AN	3*	37*	8*	105*	
10	QP.MN.ĐC.11	GDQP-AN 2: Công tác QP-AN	2*	22*	8*	70*	
Kỳ II. 16 Tín chỉ (chưa tính GDTC2)			16	130	110	560	
1	CT.MN.ĐC.02	Những NLCB của CN MLN 2	3	30	15	105	CT.MN.Đ C.01
2	TA.MN.ĐC.07	Tiếng Anh 2	2	20	10	70	TA.MN.Đ C.06

3	TL.MN.CS.04	Tâm lý học Trẻ em lứa tuổi Mầm non	3	30	15	105	TL.MN.CS.02
4	GD.MN.CS.05	Giáo dục học Mầm non	2	15	15	70	GD.MN.CS.03
5	AN.MN.CS.07	Nhạc cụ	2	10	20	70	AN.MN.CS.06
6	MN.MN.CS.10	VHTE, đọc - kể diễn cảm	2	15	15	70	XH.MN.CS.01
7	MN.MN.CN.10	Đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ MN	2	10	20	70	MN.MN.CS.09
8	TC.MN.ĐC.09	GDTC2	2*	6*	24*	70*	TC.MN.ĐC.08
Kỳ III. 16 Tín chỉ (chưa tính GDQP - AN)			16	110	130	560	
1	CT.MN.ĐC.03	Đường lối CM của đảng CSVN	3	30	15	105	CT.MN.ĐC.02
2	TL.MN.ĐC.14	Tin học đại cương	2	10	20	70	
3	XH.MN.CS.01	Tiếng việt thực hành	2	15	15	70	
4	MN.MN.CS.08	Múa và PP dạy múa cho trẻ MN	3	10	35	105	AN.MN.CS.06
5	TN.MN.CS.11	Sự phát triển thể chất TE lứa tuổi MN	2	15	15	70	
6	GD.MN.CS.13	Giáo dục hòa nhập	2	15	15	70	GD.MN.CS.05; TL.MN.CS.04
7	MN.MN.CN.01	PP cho trẻ làm quen với tác phẩm VH	2	15	15	70	MN.MN.CS.10
8	QP.MN.ĐC.12	GDQP-AN 3: Quân sự chung	2*	14*	16*	70*	
9	QP.MN.ĐC.13	GDQP-AN 4: Kỹ thuật chiến đấu	4*	4*	56*	140*	
Kỳ IV. 18 Tín chỉ			18	95	205	600	
1	CT.MN.ĐC.04	Tư tưởng HCM	2	20	10	70	CT.MN.ĐC.03
2	MN.MN.CN.02	PP tổ chức HĐ AN cho trẻ MN	3	15	30	105	AN.MN.CS.06; MN.MN.CS.07;

							AN.MN.C S.08
3	MN.MN.CN.03	PP TC HĐ cho trẻ làm quen với Toán	3	15	30	105	GD.MN.C S.05
4	MN.MN.CN.05	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN	3	15	30	105	MN. MN.CS.10; XH.MN.C S.01
5	MN.MN.CN.06	PP cho trẻ KPKH và LQMTXQ	3	15	30	105	TN.MN. CS.12
6	MN.MN.CN.07	PP TC HĐ tạo hình cho trẻ MN	2	15	15	70	MN.MN.C S.09
7	ĐT.MN.TT.01	Thực tập 1	2		60	40	
Kỳ V. 17 Tín chỉ			17	95	160	595	
1	MN.MN.CN.14	Quan sát, đánh giá trong GDMN	2	15	15	70	MN.MN.C N.01-12
2	MN.MN.CN.04	PP TC HĐVC cho trẻ ở trường MN	3	15	30	105	GD.MN.C S.03
3	MN.MN.CN.08	PP giáo dục thể chất cho trẻ MN	3	15	30	105	TN.MN.CS .11; TC.MN.Đ C.09
4	MN.MN.CN.09	Phát triển và TC thực hiện CT GDMN	3	15	30	105	MN.MN.C N.01-08
5	MN.MN.CN.11	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ MN	2	15	15	70	TN.MN.CS .11
6	MN.MN.CN.12	Phòng bệnh và ĐB AT cho Trẻ MN	2	15	15	70	TN.MN.CS .11
7	MN.MN.TC.13	Rèn luyện NVSP	2	5	25	70	MN.MN.- 12
Kỳ VI. 17 Tín chỉ			17	115	215	555	
1	CT.MN.ĐC.15	QL HCNN và QL ngành GD & ĐT	1	10	5	70	
2	CT.MN.ĐC.05	Pháp luật	1	10	5	35	
3	ĐT.MN.TC.03	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	2	20	10	70	
4	MN.MN.TC.04	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm	3	30	15	105	MN.MN.C N.01-12

		cho trẻ Mầm non					
5	MN.MN.TC.01	Giáo dục tích hợp ở bậc học MN	3	30	15	105	MN.MN.C N.01-12
6	MN.MN.TC.02	Nghề GVMN	2	15	15	70	MN.MN.C N.01-12
7	ĐT.MN.TT.02	Thực tập tốt nghiệp	5		150	100	
Tổng số tín chỉ của CTĐT			101				

7.3. Mô tả học phần

1. NHỮNG NGUYÊN LÝ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN 1 (2 tín chỉ)

Học phần Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng của các ngành học. Học phần gồm 4 chương. Chương mở đầu trình bày những nét khái quát nhất chủ nghĩa Mác - Lênin và ba bộ phận cấu thành. Chương I trình bày những nội dung cơ bản của nghĩa duy vật biện chứng gồm vấn đề vật chất, ý thức. Chương II trình bày khái quát về phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Chương III trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp và dân tộc; vấn đề về con người. Học phần giúp sinh viên xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học để vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, đồng thời trang bị kiến thức cơ sở quan trọng để sinh viên có thể học tốt các môn học chuyên ngành sau này.

2. NHỮNG NLCB CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN 2 (3 tín chỉ)

Học phần Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng của các ngành học. Học phần gồm 6 chương. Chương IV trình bày khái quát về học thuyết giá trị. Chương V trình bày những nội dung cơ bản về học thuyết giá trị thặng dư. Chương VI trình bày khái quát về học thuyết về CNTB độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Chương VII trình bày những nội dung cơ bản sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Chương VIII trình bày những nội dung cơ bản về những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN. Chương IX trình bày những nội dung cơ bản về chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. Học phần giúp sinh viên xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học để vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, đồng thời trang bị kiến thức cơ sở quan trọng để sinh viên có thể học tốt các môn học chuyên ngành sau này.

3. ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐCS VN (3 tín chỉ)

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng của các ngành học. Học phần gồm chương mở đầu - Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chương I trình bày sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Chương II trình bày Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945). Chương III trình bày những nội dung cơ bản của Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975). Chương IV trình bày về đường lối Công nghiệp hóa. Chương V trình bày những nội dung về đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Chương VI trình bày về Đường lối xây dựng hệ thống chính trị. Chương VII trình bày những nội dung cơ bản về Đường lối xây dựng và phát

triển nền văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội và Chương VIII trình bày về đường lối đối ngoại. Học phần giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, tự hào về Đảng và luôn phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng; Tích cực thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để sinh viên có thể học tốt các môn học chuyên ngành sau này.

4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lý luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

5. PHÁP LUẬT (1 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng của các ngành học. Học phần gồm 11 chương. Chương I trình bày những nét khái quát nhất một số vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật. Chương II trình bày những nội dung cơ bản quy phạm pháp luật và thực hiện pháp luật. Chương III trình bày những nội dung cơ bản quan hệ pháp luật. Chương IV trình bày những nội dung cơ bản về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. Chương V trình bày những nội dung cơ bản về hình thức pháp luật XHCN. Chương VI trình bày những nội dung cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam. Chương VII trình bày những nội dung cơ bản về luật Hiến pháp. Chương VIII trình bày những nội dung cơ bản về pháp Luật Hành chính. Chương IX trình bày những nội dung cơ bản về luật dân sự. Chương X trình bày những nội dung cơ bản về pháp luật Lao động. Chương XI trình bày những nội dung cơ bản về pháp luật HN và GD.

Học phần giúp sinh viên góp phần xây dựng và thực hiện các quan hệ xã hội theo đúng pháp luật của nhà nước CHXHCNVN. Có thái độ rõ ràng với những biểu hiện vi phạm pháp luật của mọi người trong xã hội...

06. TIẾNG ANH 1 (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 1 bao gồm 5 đơn vị bài học: *Unit 1: Health; Unit 2: Competitions; Unit 3: Transport.*

Học phần Tiếng Anh 1 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân Cao đẳng sư phạm.

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, trạng ngữ chỉ tần suất, động từ dạng “ing”, phân biệt “like + Ving” và “I’d like to”, động từ khuyết thiếu, các cấu trúc so sánh hơn và nhất và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao và giao thông để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức thấp. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Học phần Tiếng Anh 1 là môn học bắt buộc độc lập và cũng là môn học tiên quyết cho học phần tiếp theo như học phần Tiếng Anh 2. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành, thảo luận nhóm sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

07. TIẾNG ANH 2 (2 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 2 bao gồm 2 đơn vị bài học: Unit 4: Advanture; Unit 5: Environment.

Học phần Tiếng Anh 2 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân Cao đẳng sư phạm.

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, danh từ đếm được và danh từ không đếm được, lượng từ, mạo từ và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sở thích cá nhân, những thách thức trong cuộc sống và chủ đề môi trường để phát triển được kĩ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kĩ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Học phần Tiếng Anh 2 là môn học bắt buộc độc lập. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành, thảo luận nhóm sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kĩ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

08. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về mối quan hệ giữa nghề nghiệp với TDTT, trang bị cho sinh viên nắm vững những động tác thể dục cơ bản, kỹ thuật vận động của một số môn thể thao. Cung cấp những phương pháp sử dụng những phương tiện TDTT để hồi phục làm tăng các chức năng cơ quan vận động và cơ quan nội tạng. Hình thành kỹ năng động tác bài tập thể dục, điền kinh phương pháp tập luyện các bài tập thể dục, điền kinh.

Phát triển các tố chất và thể lực của người tập, đặc biệt là tính khéo léo và linh hoạt, năng lực phối hợp vận động. Đồng thời đẩy mạnh phát triển thể lực chuyên môn của môn Thể dục.

09. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về mối quan hệ giữa nghề nghiệp với TDTT. Giữa lao động và nghỉ ngơi để góp phần xây dựng nếp sống văn minh, trang bị cho sinh viên nắm vững những động tác thể dục nhịp điệu cơ bản nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Sinh viên hiểu được các kỹ thuật động tác cơ bản của thể dục nhịp điệu. Sinh viên hiểu được cách tổ chức tập luyện, biểu diễn bài thể dục nhịp điệu. Hoàn thiện kỹ năng các tư thế cơ bản của thể dục nhịp điệu ngoài ra còn biết vận dụng kỹ năng vào tổ chức tập luyện, tự tập luyện cho bản thân. Phát triển các tố chất và thể lực của người tập, đặc biệt là tính khéo léo và linh hoạt, năng lực phối hợp vận động. Đồng thời đẩy mạnh phát triển thể lực môn của sinh viên.

14. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành. Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word. Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel. Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint. Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

15. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÀNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (1 tín chỉ)

Học phần *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo* gồm các nội dung về quản lý hành chính nhà nước nói chung và ngành Giáo dục - Đào tạo nói riêng, hiểu được các khái niệm và những vấn đề liên quan đến công chức, công vụ; cơ sở pháp lý và sự cần thiết của Luật viên chức, luật Giáo dục và điều lệ trường mầm non. Nội dung về đường lối, quan điểm về giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước; mục tiêu và giải pháp phát triển giáo dục. Từ đó sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc thực hiện các quy định trong công tác chăm sóc và giáo dục ở trường mầm non.

16. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng những kiến thức căn bản về tiếng Việt và những nguyên tắc sử dụng tiếng Việt (ở cấp độ ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản); rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng trong đời sống và trong hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ (kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng dựng đoạn văn, kỹ năng viết câu trong văn bản, kỹ năng dùng từ, kỹ năng sử dụng chữ viết, kỹ năng phát âm,...).

17. TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Tâm lý học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý: Bản chất tâm lý, quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý; mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý, chức năng vai trò của tâm lý đối với hoạt động của con người; giúp sinh viên hiểu bản chất và quy luật của sự phát triển con người trong quá trình phát triển cá thể từ đó vận dụng vào công tác giáo dục trẻ và học sinh. Học phần còn trang bị cho người học những tri thức tâm lý về sự phát triển tâm lý, quy luật phát triển tâm lý trẻ mầm non nhằm mục đích mô tả một cách khái quát nhất, chân dung tâm lý của con người ở từng giai đoạn lứa tuổi cũng như ứng dụng những tri thức đó để quá trình giáo dục, dạy học phù hợp với tâm lý lứa tuổi.

18. GIÁO DỤC HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

- Học phần cung cấp cho người học những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách con người; mục đích, nhiệm vụ, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân.

- Học phần tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng các nguyên lý giáo dục trong tổ chức hoạt động nghề nghiệp sau này.

- Trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp giáo dục, sinh viên có khả năng giải quyết các tình huống sư phạm. Từ đó góp phần hình thành phẩm chất yêu trẻ yêu nghề, thế giới quan khoa học... năng lực sư phạm như: tổng hợp, phân tích tài liệu, thuyết trình, năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học...

19. TÂM LÝ HỌC TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON (3 tín chỉ)

Học phần *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non* bao gồm các nội dung: Những quy luật phát triển tâm lý trẻ em; đặc điểm phát triển tâm lý trẻ sơ sinh, hài nhi, ấu nhi. Các dạng hoạt động và đặc điểm phát triển tâm lý - nhân cách của trẻ mẫu giáo. Công tác dạy, học và chuẩn bị tâm lý cho trẻ mẫu giáo bước vào trường tiểu học.

Phần thực hành: Sinh viên được rèn các kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ phù hợp với lứa tuổi. Trong học phần này, sinh viên được dự giờ ở Trường

mầm non thực hành Hoa Sen - Trường Đại học Hải Dương.

Trên cơ sở đó, sinh viên hình thành được các năng lực: Xử lý các tình huống sư phạm với trẻ mầm non; năng lực tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ phù hợp với lứa tuổi; năng lực giao tiếp sư phạm; năng lực làm việc theo nhóm; năng lực tự đánh giá.

20. GIÁO DỤC HỌC MẦM NON (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề chung của giáo dục học mầm non; Các mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non; Hình thức tổ chức các hoạt động (hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, học tập, lao động...) và chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ ở trường mầm non; Chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.

Nội dung học phần giúp hình thành năng lực hiểu trẻ, năng lực thiết kế, tổ chức, thực hiện và đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non. Đồng thời hình thành năng lực chuẩn bị cho trẻ vào lớp một và công tác phối hợp trường mầm non với gia đình và cộng đồng.

21. ÂM NHẠC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhạc lí phổ thông, đọc xướng âm điệu thức trưởng, điệu thức thứ và đọc xướng âm phạm vi đến 1 dấu hóa.

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa bao gồm: Khái niệm, nguồn gốc, sự hình thành và quá trình phát triển nghệ thuật múa, phân loại múa, đặc trưng của múa và các kỹ năng múa, các động tác múa cơ bản trong múa dân gian Việt Nam. Hướng dẫn cho sinh viên những nội dung cơ bản về phương pháp biên đạo múa bao gồm các vấn đề: Khái niệm, một số nguyên tắc biên đạo múa, quy trình biên đạo múa cho trẻ, các nhiệm vụ và phương pháp biên đạo các tác phẩm múa. Thông qua đó dàn dựng một số tác phẩm múa cho trẻ và người lớn.

22. NHẠC CỤ (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết về đàn Organ, một số kỹ thuật sử dụng đàn Organ để có thể đàn được các ca khúc trong chương trình giáo dục Mầm non.

23. MÚA VÀ PP DẠY MÚA CHO TRẺ MẦM NON (3 tín chỉ)

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa bao gồm: Khái niệm, nguồn gốc, sự hình thành và quá trình phát triển nghệ thuật múa, phân loại múa, đặc trưng của múa và các kỹ năng múa, các động tác múa cơ bản trong múa dân gian Việt Nam. Hướng dẫn cho sinh viên những nội dung cơ bản về phương pháp biên đạo múa bao gồm các vấn đề: Khái niệm, một số nguyên tắc biên đạo múa, quy trình biên đạo múa cho trẻ, các nhiệm vụ và phương pháp biên đạo các tác phẩm múa. Thông qua đó dàn dựng một số tác phẩm múa cho trẻ và người lớn.

24. MỸ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về mỹ thuật, nghệ thuật tạo hình; nội dung, phương pháp thực hành các thể loại tạo hình theo mẫu, trang trí, theo đề tài, tập nặn và tạo dáng bằng các chất liệu khác nhau. Vận dụng vào các bài tập thực hành các thể loại tạo hình, từ đó hình thành kỹ năng tạo hình ban đầu. Tạo cơ sở để hình thành và phát triển cho sinh viên nhận thức thẩm mỹ, khả năng cảm nhận, đánh giá sản phẩm tạo hình, phát huy sự sáng tạo; giúp sinh viên có những định hướng thẩm mỹ đúng đắn trong việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non. Có khả năng tự học để đáp ứng nhu cầu thực tế công tác và phát triển chuyên sâu sau này.

25. VĂN HỌC TRẺ EM, ĐỌC - KỂ DIỄN CẢM (2 tín chỉ)

Học phần mô tả một số vấn đề chung về văn học trẻ em, bao gồm văn học thiếu nhi dân gian, văn học viết dành cho thiếu nhi Việt Nam và văn học thiếu nhi nước ngoài; Phương pháp đọc, kể diễn cảm các tác phẩm văn học.

26. SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản về giải phẫu sinh lý trẻ em; tăng trưởng và phát triển; Các thời kỳ phát triển của cơ thể trẻ em: các chỉ số đánh giá; yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển cơ thể trẻ; Đặc điểm cấu tạo và hoạt động của các hệ cơ quan của trẻ em: hệ cơ xương, hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ thần kinh, hệ bài tiết sinh dục, hệ nội tiết. Qua đó, người học có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mầm non cho phù hợp về đặc điểm tâm sinh lý, hướng dẫn trẻ mầm non rèn luyện kỹ năng tự phục vụ, tính tự lập.

27. GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học môi trường, về dân số; thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; những vấn đề về ô nhiễm môi trường và sự phát triển bền vững; phân tích được mối quan hệ dân số - tài nguyên - môi trường để từ đó nhận thức được những nội dung về bảo vệ môi trường, cơ sở khoa học của việc bảo vệ môi trường. Đồng thời, người học còn vận dụng kiến thức về giáo dục môi trường trong giảng dạy bộ môn ở nhà trường phổ thông và giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tiễn liên quan đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên để hướng tới sự phát triển bền vững.

28. GIÁO DỤC HOÀ NHẬP (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về trẻ khuyết tật lứa tuổi Mầm non, bao gồm: khái niệm trẻ khuyết tật, nguyên nhân gây ra khuyết tật và đặc điểm một số nhóm trẻ khuyết tật lứa tuổi Mầm non; đồng thời giúp sinh viên nhận diện được các mô hình giáo dục trẻ khuyết tật lứa tuổi Mầm non để từ đó có thể xây dựng được kế hoạch giáo dục cá nhân cũng như thiết kế và tổ chức được hoạt động giáo dục hòa nhập. Song song với cung cấp kiến thức, học phần giúp học sinh phát triển kỹ năng thấu cảm, giao tiếp với học sinh khuyết tật; kỹ năng giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng hợp tác trong giáo dục hòa nhập.

29. PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức khoa học về phương pháp, hình thức và cách thức tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học (LQTPVH) ở trường Mầm non; có năng lực thiết kế, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch tổ chức các hoạt động cho trẻ LQTPVH ở trường Mầm non.

30. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC CHO TRẺ MẦM NON (3 tín chỉ)

Học phần giới thiệu một số vấn đề về giáo dục âm nhạc trong cơ sở giáo dục mầm non bao gồm: ý nghĩa của âm nhạc đối với trẻ; đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ mầm non; mục đích và nhiệm vụ giáo dục Âm nhạc cho trẻ. Sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản về phương pháp, hình thức tổ chức các dạng hoạt động âm nhạc cho trẻ, cách soạn giáo án và tổ chức một giờ hoạt động âm nhạc tại trường mầm non. Giáo viên hướng dẫn sinh viên cách hát và thực hành hát một số thể loại âm nhạc phù hợp với chương trình giáo dục mầm non (dân ca, hát ru...).

31. PHƯƠNG PHÁP TCHĐ CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI TOÁN (3 tín chỉ)

Nội dung học phần Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc, nội dung, nhiệm vụ, hình thức, phương pháp... hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non và làm sáng tỏ đặc điểm nhận thức các biểu tượng toán ở mỗi lứa tuổi mầm non về nội dung chương trình và phương pháp hướng dẫn trẻ hình thành mỗi loại biểu tượng toán cụ thể: tập hợp - số lượng - phép đếm; hình dạng; kích thước; định hướng trong không gian; định hướng thời gian.

32. PHƯƠNG PHÁP TCHĐ VUI CHƠI CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON (3 tín chỉ)

Học phần Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non cung cấp cho người học kiến thức khái quát về hoạt động vui chơi của trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non. Giúp người học xác định được loại trò chơi, có kỹ năng về phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ lứa tuổi mầm non. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho người học nắm được kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi trong chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non.

33. PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ MẦM NON (3 tín chỉ)

Nội dung học phần Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Nhiệm vụ, phương pháp, biện pháp, các hình thức phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cho trẻ mầm non; giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt; hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ; dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt; phát triển lời nói mạch lạc cho trẻ; cho trẻ làm quen với tác phẩm văn chương; chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở trường tiểu học và thực hành lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở các độ tuổi.

34. PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ KHÁM PHÁ KHOA HỌC VÀ LÀM QUEN MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH (3 tín chỉ)

Học phần này giúp sinh viên hiểu được điểm nhận thức của trẻ cũng như các nguyên tắc cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh; chỉ rõ được những yêu cầu và những nội dung cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh. Học phần làm sáng tỏ các phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh như: PP Quan sát; PP sử dụng tranh ảnh, mô hình, băng hình...; PP đàm thoại... Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh là môn học cung cấp cho người học một cái nhìn toàn diện về mặt lí luận để có thể vận dụng vào quá trình tổ chức cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh, qua đó giáo dục thái độ ứng xử đúng đắn trong quan hệ của mỗi công dân với sự vật, hiện tượng và mọi người xung quanh.

35. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH CHO TRẺ MẦM NON (2 tín chỉ)

Học phần *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non* bao gồm các nội dung: Những vấn đề chung về hoạt động tạo hình ở trường mầm non; Quá trình hình thành và phát triển hoạt động tạo hình của trẻ; Các phương pháp, các hình thức tổ chức hoạt động tạo hình; Hướng dẫn tổ chức các hoạt động tạo hình ở trường mầm non.

36. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON (3 tín chỉ)

Nội dung học phần Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non đã trình bày một cách hệ thống các khái niệm phát triển thể chất, giáo dục thể chất, hoàn thiện thể chất; đặc điểm phát triển thể chất của trẻ mầm non; các nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ mầm non... Làm sáng tỏ được các nội dung, các bài tập thể dục, trò chơi vận

động và phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ mầm non đồng thời hướng dẫn cho người học cách lập kế hoạch và thiết kế các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

37. PHÁT TRIỂN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON (3 tín chỉ)

Môn học giới thiệu một số vấn đề cơ bản, tổng quan về phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn công tác chăm sóc giáo dục trẻ mầm non của từng địa phương. Sinh viên biết được thế nào là phát triển chương trình; Biết cách xây dựng và thực hiện các loại kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non; Cách xây dựng môi trường cho các hoạt động; Cách đánh giá trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục mầm non và có một số kiến thức tổng quan về phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn công tác chăm sóc giáo dục trẻ mầm non của từng địa phương.

38. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ ĐỒ CHƠI CHO TRẺ MẦM NON (2 tín chỉ)

Học phần *Đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ mầm non* giới thiệu và hướng dẫn cho sinh viên cách làm đồ chơi, đồ dùng dạy học cho trẻ mầm non, cũng như cách sử dụng đồ chơi, đồ dùng dạy học cho trẻ mầm non; Hướng dẫn sinh viên thực hành làm đồ chơi và đồ dùng dạy học từ các nguyên, vật liệu rẻ tiền, dễ kiếm, các đồ phế liệu, phế thải theo các chủ đề (như: thế giới động, thực vật; các phương tiện giao thông; gia đình; trường mầm non; làm búp bê theo chủ đề; làm các loại rối; làm các loại sách học cho trẻ mầm non bằng chất liệu vải...), cách sử dụng đồ chơi và đồ dùng dạy học cho các hoạt động ở trường mầm non. Trên cơ sở đó, sinh viên hình thành được các năng lực dạy học; năng lực làm, sử dụng đồ chơi và đồ dùng dạy học; năng lực sáng tạo; năng lực làm việc theo nhóm; năng lực đánh giá sản phẩm đồ chơi và đồ dùng dạy học.

39. VỆ SINH - DINH DƯỠNG CHO TRẺ MẦM NON (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về: Vệ sinh môi trường, vệ sinh chăm sóc, theo dõi quản lý sức khỏe của trẻ; Kiến thức dinh dưỡng, nuôi dưỡng trẻ theo độ tuổi; Công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em và những vấn đề về giáo dục dinh dưỡng trong nhà trường Mầm non. Tổ chức được các hoạt động giáo dục dinh dưỡng cho trẻ.

40. PHÒNG BỆNH VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ MẦM NON (2 tín chỉ)

Học phần Phòng bệnh và đảm bảo an cho trẻ mầm non cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng và điều trị một số bệnh. Cách chăm sóc trẻ bị bệnh. Những tai nạn có thể xảy ra khi trẻ ở trường và cách phòng tránh, xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp kiến thức về phân biệt một số loại thuốc và cách sử dụng thuốc. Giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non giúp trẻ phát triển một cách toàn diện.

41. RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SỰ PHẠM (2 tín chỉ)

Học phần chú trọng đến những kỹ năng thực hành vệ sinh, chăm sóc, phòng bệnh trẻ em, hướng dẫn những kỹ năng chăm sóc, cách thức tổ chức và đánh giá các hoạt động chăm sóc, vệ sinh, phòng bệnh trẻ để làm sao có thể bảo vệ và củng cố sức khỏe của trẻ lứa tuổi mầm non trong mọi hoạt động ở trường mầm non. Bên cạnh đó, cung cấp những kiến thức về cách thức xây dựng môi trường giáo dục trong lớp, trường mầm non. Hệ thống hoá lý thuyết về giao tiếp sư phạm, giúp sinh viên nắm được các phương tiện giao tiếp, các phương pháp rèn luyện và thực hành kỹ năng giao tiếp sư phạm ở trường mầm non cũng như linh

hoạt, sáng tạo xử lý các tình huống sư phạm trong quá trình chăm sóc, giáo dục, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ tại trường MN.

42. QUAN SÁT, ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC MẦM NON (2 tín chỉ)

Nội dung học phần Quan sát, đánh giá trong giáo dục mầm non giúp sinh viên hiểu được mục tiêu, nội dung và phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non, làm sáng tỏ được các hoạt động đánh giá trong giáo dục mầm non và tổ chức các hoạt động đánh giá một cách khoa học, có hệ thống, phù hợp với lứa tuổi và thực tiễn giáo dục trẻ mầm non hiện nay.

43.1. GIÁO DỤC TÍCH HỢP Ở BẬC HỌC MẦM NON (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những khái niệm, đặc trưng, những cơ sở tiếp cận giáo dục tích hợp và một số cách tích hợp các môn học. Giúp SV trình bày những nội dung cơ bản về cách tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở cơ sở mầm non bao gồm các nội dung: khái niệm, phương pháp tổ chức, hình thức tổ chức, các giai đoạn tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp và vai trò của giáo viên trong việc tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề. Từ đó sinh viên biết thiết kế và tổ chức, đánh giá các hoạt động chăm sóc giáo dục cho trẻ theo hướng tích hợp.

43.2 NGHỀ GIÁO VIÊN MẦM NON (2 tín chỉ)

Học phần nghề giáo viên mầm non cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về hoạt động sư phạm của GVMN (trong đó bao gồm chức năng, nhiệm vụ, các kỹ năng nghề GVMN). Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học kiến thức về các giai đoạn phát triển nhân cách và nghề giáo viên mầm non và các loại hình đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên đối với nghề GVMN.

43.3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG (2 tín chỉ)

Học phần gồm các nội dung những khái niệm cơ bản về NCKH, PPNCKH và NCKH sư phạm ứng dụng; Hệ thống những PPNCKHGD và những yêu cầu cơ bản của từng PPNC khi sử dụng trong nghiên cứu; Phát hiện và xác định một vấn đề NCKH hay một ý tưởng sáng tạo trong ngành được đào tạo; Viết được đề cương của một ý tưởng sáng tạo hay một đề cương nghiên cứu phù hợp với yêu cầu của một đề tài NCKH của sinh viên thuộc ngành GDMN; Mô tả được quy trình thực hiện, cách viết báo cáo kết quả nghiên cứu một đề tài đảm bảo các yêu cầu của một báo cáo khoa học. Có năng lực làm việc độc lập và chịu trách nhiệm trong làm việc nhóm. Trung thực, khách quan trong nghiên cứu khoa học.

43.4. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO HƯỚNG TRẢI NGHIỆM CHO TRẺ MẦM NON (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học có kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ Mầm non; Có kiến thức và kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ tại cơ sở Giáo dục Mầm non.

44.1. THỰC TẬP 1 (2 tín chỉ)

Hoạt động thực tập được chia thành các tuần, từ tìm hiểu, làm quen thực hành đầy đủ các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ như một giáo viên mầm non; có năng lực nghiên cứu khoa học và năng lực tự chủ, chủ động, thuần thực, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp của bản thân.

44.2. THỰC TẬP 2 (5 tín chỉ)

Hoạt động thực tập được chia thành các tuần, từ tìm hiểu, làm quen thực hành đầy đủ các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ như một giáo viên mầm non; có năng lực nghiên cứu khoa học và năng lực tự chủ, chủ động, thuần thực, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp của bản thân.

HẢI D.